

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13/8/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Ông Nguyễn Ngọc Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 167/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28/6/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 18/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp 1, xã LT, huyện X, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp 3, xã LT, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà Nguyễn Thị N có mặt. Ông Phạm Văn H vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trong suốt quá trình giải quyết vụ án trình bày có nội dung như sau:*

Bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Văn H tự tìm hiểu, tổ chức đám cưới năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện X, tỉnh Long An vào ngày 27/9/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H không lo làm ăn, gây nợ, không quan tâm đến vợ con. Từ đó, vợ chồng bà thường xuyên cự cãi, xung đột mâu thuẫn với nhau ngày càng nghiêm trọng không thể hàn gắn được. Vợ chồng bà sống ly thân từ tháng 6/2019, ông H chỉ về thăm con 3 lần. Từ khi sống ly thân đến nay, ông H cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà. Hiện tại, bà đang làm công nhân, thu nhập mỗi tháng được 6.000.000 đồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà kiên quyết xin ly hôn với ông H.

Quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung, tên Phạm Thị Như X, sinh ngày 17/9/2011 đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8/2019 đến khi con đủ 18 tuổi.

Quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Phạm Văn H trong suốt quá trình giải quyết vụ án trình bày có nội dung như sau:*

Ông không đồng ý ly hôn với bà N. Ông xác định vẫn còn thương vợ, con. Vợ chồng ông không có mâu thuẫn trầm trọng. Do bà N đuổi ông đi khỏi nhà, nên ông mới về nhà cha ruột sinh sống. Ông thừa nhận có gây nợ nhưng ông đã trả xong.

Quan hệ con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung tên Phạm Thị Như X, sinh ngày 17/9/2011 đang sống với bà N. Nếu trường hợp Tòa án cho ông và bà N ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án giao con cho bà N nuôi dưỡng thì ông không cấp dưỡng nuôi con.

Quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn H. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phạm Văn H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử, nhưng vẫn không tham gia phiên tòa sơ thẩm là từ bỏ quyền lợi của mình, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà N và ông H là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, ông H không lo làm ăn. Ông H cũng xác định do ông mắc một số lỗi lầm gây nên nợ nần, đã nhiều lần xin lỗi bà N nhưng bà không đồng ý. Bà N kiên quyết xin ly hôn, ông H không đồng ý nhưng

không có bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn trong hôn nhân giữa 2 bên là trầm trọng, nên yêu cầu xin ly hôn của bà N phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

Về nuôi con chung: Bà N và ông H xác định có 01 con chung, tên Phạm Thị Như X, sinh ngày 17/9/2011 đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu Như X đang sống với bà N phát triển bình thường. Bà N có công việc, chỗ ở ổn định đủ điều kiện nuôi con. Cháu Như X có nguyện vọng sống chung với mẹ. Ông H đang sống nhà cha ruột, ai thuê gì thì làm nấy. Do đó, xét điều kiện nuôi con và tránh sự thay đổi hoàn cảnh sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của trẻ, nên cần giao cháu Như X cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về phân cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng từ tháng 8/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông H xác định nếu Tòa giải quyết giao con cho bà N nuôi dưỡng thì ông không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cha mẹ phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc con. Bà N nuôi con chung thì ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của luật hôn nhân và gia đình "...2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:...". Bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật, nên được chấp nhận.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông H được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung, tài sản chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Phạm Văn H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Phạm Văn H.

2/ Về con chung: Giao 01 con chung tên Phạm Thị Như X, sinh ngày 17/9/2011 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 8/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông Phạm Văn H được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004525, ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Ông Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4/ Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THA huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã LT;
- Luu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng